

Bản án số: 15/2020/HS-ST

Ngày: 03-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLST-HS, ngày 20 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng T (tên gọi khác UD) sinh năm 1994; tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: không; Tiền án: có 01 tiền án (Ngày 11/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” chấp hành xong hình phạt từ ngày 20/8/2018); Nhân thân: không tốt; đang chấp hành án tại trại giam Bến Giá; Hiện bị cáo được trích xuất về Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 12/5/2020 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

Ông Lâm Tấn Q, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TTGA, xã HT, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 4, P5, Thành phố TV, tỉnh Trà Vinh;

2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 29/8/2019 bị cáo Nguyễn Hoàng T từ nhà đi bộ qua nhà cậu ruột tên Nguyễn Văn P lấy xe mô tô, biển kiểm soát 84K4-1620 điều khiển về hướng thành phố TV với mục đích mua ma túy để sử dụng. Khi đến ngã ba BC thuộc ấp TĐ, xã HT, bị cáo nảy sinh ý định tìm tài sản lấy trộm đem bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, bị cáo tiếp tục điều khiển xe về hướng Hương Lộ 2 thuộc ấp TTGA, xã HT, được khoảng 300 mét thì bị cáo phát hiện phía bên trái, theo hướng đi trước cửa nhà ông Lâm Tấn Q có để 01 (một) xe kéo, bằng sắt (loại xe dùng để chở gia súc). Khi đó khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo quan sát không thấy ai trông giữ nên đã lén lút lấy trộm xe kéo trên, đem bán cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được số tiền 650.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, bị cáo điều khiển xe về nhà, đem trả xe mô tô cho anh P.

Đến ngày 01/7/2019 Nguyễn Hoàng T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện CT và bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số: 48/2019/HS-ST ngày 19/11/2019.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ông Lâm Tấn Q kiểm tra camera được lắp đặt trước cửa nhà ông Q phát hiện có đối tượng đã lấy trộm tài sản nên đã trình báo Công an xã HT. Qua xác minh, cơ quan Công an xác định bị cáo Nguyễn Hoàng T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Q nên tiến hành làm việc và bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Tại bản kết luận số:15 ngày 15/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TC kết luận: Tổng giá trị xe hàn bằng sắt bị chiếm đoạt là 2.781.737 đồng nhưng không tính giá trị hao mòn đối với tài sản đã qua sử dụng nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành yêu cầu định giá lại tài sản.

Tại bản kết luận số: 01 ngày 18/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Trà Vinh kết luận:

Giá trị sắt: Trọng lượng sắt tròn đặt phi 10: 0,62kg/mét x 4,5mét x 10 cây bằng 27,9kg x 19.500 đồng/kg bằng 544.050 đồng.

Trọng lượng sắt tròn rỗng phi 42: 1,87kg/mét x 3,4mét bằng 6,35kg x 19.100 đồng/kg bằng 121.437 đồng.

Trọng lượng sắt thanh la: 0,70kg/mét x 01mét x 10 cây bằng 07kg x 19.000 đồng/kg bằng 133.000 đồng.

Trọng lượng sắt V5: 2,98kg/mét x 08mét bằng 23,84kg x 19.250 đồng/kg = 458.920 đồng.

Trọng lượng sắt tròn đặt phi 34: 7,13kg/mét x 1,4 mét bằng 9,98kg x 33.500 đồng/kg bằng 334.330 đồng.

Giá trị 02 bánh xe hàn, bằng sắt sử dụng vỏ quy cách (350x350), giá mỗi bánh 295.000 đồng/bánh x 02 bằng 590.000 đồng.

Chi phí gia công là 600.000 đồng/chiếc.

Giá trị còn lại của xe hàn bằng sắt là 1.390.868 đồng.

Với giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.390.868 đồng, không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tuy nhiên, vào ngày 11/4/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/8/2018, chưa được xóa án tích mà tiếp tục vi phạm. Do đó, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo vào ngày 29/8/2019 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự .

Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ H không biết tài sản do bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp mà có nên không đặt ra xử lý. Riêng anh Nguyễn Văn P không biết bị cáo lấy xe mô tô của mình để làm phương tiện phạm tội nên không đặt ra xử lý. Quá trình điều tra, xác định bị cáo không có ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 (một) xe hàn, bằng sắt, sau khi bị cáo lấy trộm đã đem bán cho bà Nguyễn Thị Mỹ H và bà H đã tái chế nên cơ quan Công an không thu giữ được để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lâm Tấn Q không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị mất trộm.

Tại Cáo trạng số: 16/CT-VK-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý về vụ án như sau:

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Điều 50 và Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tổng hợp hình phạt bản án số: 48/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Trà Vinh đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với 01 (một) xe hàn, bằng sắt, sau khi bị cáo lấy trộm đã đem bán cho bà Nguyễn Thị Mỹ H và bà H đã tái chế được số tiền 650.000 đồng là do bị cáo thu lợi bất chính mà có buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lâm Tấn Q không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị mất trộm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Người bị hại anh Lâm Tấn Q có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trong đơn có nêu rõ về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường về tài sản bị mất trộm. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H, anh Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trong đơn có nêu rõ không yêu cầu gì đối với bị cáo, không yêu cầu giải quyết.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị hại ông Lâm Tấn Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H, anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đồng thời ông Q, bà H, anh P có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện T, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã nêu.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là đúng với các lời khai trước đây tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 29/08/2019, bị cáo Nguyễn Hoàng T đã lén lút trộm 01 (một) xe kéo, bằng sắt (loại xe dùng để chở gia súc) của ông Lâm Tấn Q tại ấp TTGA, xã HT, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Giá trị tài sản thiệt hại là 1.390.868 đồng tuy không đủ định lượng nhưng do vào ngày 11/4/2018 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện T bị xử phạt 06 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản và bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 20/8/2018 chưa được xóa án tích, nên hành vi trộm cắp ngày 29/08/2019 của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung 2017. Bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo ra trước Tòa án về hành vi trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là đối tượng có tiền án về hành vi trộm cắp tài sản mặc dù đã được giáo dục cải tạo một thời gian nhất định lẽ ra bị cáo phải nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo tiếp tục lao vào con đường phạm tội, bất chấp pháp luật. Hiện nay địa bàn huyện T tình hình trộm cắp tài sản có chiều hướng ngày một gia tăng về số lượng và có tính chất rất phức tạp. Để ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần thiết phải tuyên cho bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm mới phát sinh.

[5]. Về tình tiết tăng nặng đối với bị cáo không có.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt bị cáo.

[6]. Về vật chứng: Đối với số tiền 650.000 đồng do bị cáo bán chiếc xe kéo thu lợi bất chính mà có buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lâm Tấn Q không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị mất trộm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Mỹ H không có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Thiện 01 (một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 (năm) tù của bản án số: 48/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án là ngày 11/9/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lâm Tấn Q không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị mất trộm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Mỹ H không có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo nộp số tiền 650.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Ngoan